



Phụ lục 9.5

DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU CHO CÁC HUYỆN/THỊ XÃ NĂM 2020
(Kèm theo nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	18	50					3.396.880	959.163	712.663	1.359.500	65		
	Dự án chuyển tiếp	14	28					2.667.059	959.163	712.663	797.106	42		
	Dự án mới	4	22					729.821			562.394	23		
I	HUYỆN BA VÌ		4					187.697	75.504	75.504	104.250	4		
*	Dự án chuyển tiếp		4					187.697	75.504	75.504	104.250	4		
	Giao thông		4					187.697	75.504	75.504	104.250	4		
1	Cải tạo, sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước đường GT liên xã Tòng Bạt đi Cẩm Lĩnh.		1	Xã Tòng Bạt, Cẩm Lĩnh	2019-2020	5600m	1010/QĐ-UBND 17/9/2014; 2415/QĐ-UBND 13/9/2018	49.936	17.502	17.502	30.991	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Cải tạo, nâng cấp đường từ TL 414 (87A cũ) đi Ao Vua.		1	Huyện Ba Vì	2019-2020	3789m	2087/QĐ-UBND 30/10/2017	44.527	15.800	15.800	26.727	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tân Hồng - Phú Cường.		1	Các xã: Tân Hồng, Phú Cường	2019-2020	3242m	2085/QĐ-UBND 30/10/2017	43.779	24.702	24.702	16.577	1	UBND huyện Ba Vì	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Đường giao thông liên xã Tiên Phong - Thụy An (nối QL 32 đến TL 413) giai đoạn 2.		1	Các xã: Tiên Phong, Thụy An	2019-2020	4388m	1618/QĐ-UBND 21/10/2015; 2086/QĐ-UBND 30/10/2017	49.455	17.500	17.500	29.955	1	UBND huyện Ba Vì	
II	HUYỆN CHƯƠNG MỸ		5					142.103	44.500	44.500	84.250	5		
*	Dự án chuyển tiếp		2					69.591	44.500	44.500	21.750	2		
	<i>Giao thông</i>		1					30.430	10.000	10.000	18.000	1		
1	Đường giao thông liên xã Nam Phương Tiến đi xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn (Hoà Bình)		1	Xã Nam Phương Tiến, xã Lương Sơn	2019-2020	3.600m	6272/QĐ-UBND 07/8/2017; 6991/QĐ-UBND 26/10/2018	30.430	10.000	10.000	18.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
	<i>Trường học</i>		1					39.161	34.500	34.500	3.750	1		
1	Trường Tiểu học Tốt Động, xã Tốt Động		1	Xã Tốt Động	2019-2020	Nhà lớp học nhà hiệu bộ 2 tầng, phụ trợ	7685/QĐ-UBND 13/10/2017	39.161	34.500	34.500	3.750	1	UBND huyện Chương Mỹ	
*	Dự án mới		3					72.512			62.500	3		
	<i>Trường học</i>		3					72.512			62.500	3		
1	Trường THCS Xuân Mai B		1	Thị trấn Xuân Mai	2019-2020	Xây mới 16 phòng, cải tạo 12 phòng, nhà hiệu bộ 2 tầng, phụ trợ	6333/QĐ-UBND 17/10/2019	27.752			27.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Trường mầm non khu B xã Hợp Đồng		1	Xã Hợp Đồng	2019-2020	Nhà lớp học 8 phòng, phụ trợ	6465/QĐ-UBND 25/10/2019	14.938			14.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Trường tiểu học Phú Nghĩa		1	Xã Phú Nghĩa	2020 - 2021	Cải tạo 32 phòng học, xây dựng nhà hiệu bộ và phụ trợ khác	7023/QĐ-UBND 29/10/2019	29.822			21.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
III	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG	3						241.701	125.250	51.000	47.250	3		
*	Dự án chuyển tiếp	3						241.701	125.250	51.000	47.250	3		
	<i>Trường học</i>	3						241.701	125.250	51.000	47.250	3		
1	Trường Tiểu học Tân Lập (khu B)	1		Xã Tân Lập	2017-2020	Xây mới đồng bộ, quy mô 27 lớp, nhà hiệu bộ, phụ trợ	7552/QĐ-UBND 27/10/2017; 372/QĐ-UBND 22/01/2018	86.491	39.000	13.000	27.250	1	UBND huyện Đan Phượng	
2	Trường mầm non Tân Lập	1		Xã Tân Lập	2017-2020	Xây mới đồng bộ, quy mô 20 nhóm lớp, nhà hiệu bộ và phụ trợ	7454//QĐ-UBND 19/10/2017; 1983/QĐ-UBND 09/5/2018	80.801	43.250	20.000	10.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
3	Trường mầm non 2 Tân Hội	1		Xã Tân Hội	2018-2020	Nhà học 28 phòng, Nhà hiệu bộ, Nhà đa năng.	6476/QĐ-UBND 31/10/2016; 7455/QĐ-UBND 19/10/2017	74.409	43.000	18.000	10.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
IV	HUYỆN ĐÔNG ANH	3						394.633	113.500	64.250	64.250	3		
*	Dự án chuyển tiếp	3						394.633	113.500	64.250	64.250	3		
	<i>Trường học</i>	3						394.633	113.500	64.250	64.250	3		

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Xây dựng trường THCS Thụy Lâm	1		Xa Thụy Lâm	2019-2020	Xây mới đồng bộ, quy mô 33 lớp	4071/QĐ-UBND 28/10/2011; 8469/QĐ-UBND 09/8/2017	124.844	18.000	18.000	22.000	1	UBND huyện Đông Anh	
2	Xây dựng trường tiểu học Việt Hùng	1		Xã Việt Hùng	2018-2020	Xây mới đồng bộ, quy mô 30 nhóm lớp	9281/QĐ-UBND 18/9/2017	100.254	37.750	20.750	37.250	1	UBND huyện Đông Anh	
3	Xây dựng trường THCS Dục Tú, huyện Đông Anh	1		Xã Dục Tú	2017-2020	Xây mới đồng bộ, quy mô 39 lớp	4607/QĐ-UBND 27/10/2016; 8470/QĐ-UBND 09/8/2017	169.535	57.750	25.500	5.000	1	UBND huyện Đông Anh	
V	HUYỆN GIA LÂM	1	2					119.882	40.050	40.050	64.250	3		
*	Dự án chuyển tiếp	1	2					119.882	40.050	40.050	64.250	3		
	<i>Trường học</i>	1	2					119.882	40.050	40.050	64.250	3		
1	Cải tạo, mở rộng trường mầm non Phú Thị, huyện Gia Lâm		1	Xã Phú Thị	2019-2020	20 nhóm lớp, phòng chức năng	8710/QĐ-UBND 23/10/2018	37.661	15.000	15.000	18.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
2	Xây dựng trường tiểu học thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm	1		Thị trấn Yên Viên	2019-2020	18 phòng học, nhà hiệu bộ	8495/QĐ-UBND 17/10/2018	46.079	12.250	12.250	28.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
3	Xây dựng trường THCS Dương Quang, huyện Gia Lâm		1	Xã Dương Quang	2019-2020	16 phòng học, cải tạo khối còn lại	3166/QĐ-UBND 17/4/2018	36.142	12.800	12.800	18.250	1	UBND huyện Gia Lâm	
VI	HUYỆN HOÀI ĐỨC	2						178.935	64.250	64.250	64.250	2		

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
*	Dự án chuyển tiếp	2						178.935	64.250	64.250	64.250	2		
	Trường học	2						178.935	64.250	64.250	64.250	2		
1	Trường mầm non Tiên Yên - Khu Yên Thái	1		Xã Tiên Yên	2019-2020	Khối nhà học 3 tầng 8 phòng, khối nhà 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	9126/QĐ-UBND 28/10/2017	60.676	24.250	24.250	24.250	1	UBND huyện Hoài Đức	
2	Xây dựng Trường THCS chất lượng cao Nguyễn Văn Huyền	1		Xã Sơn Đồng	2018-2020	Xây dựng 30 phòng học, các phòng học bộ môn, khối nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	8263/QĐ-UBND 31/10/2016; 4767/QĐ-UBND 27/6/2017; 9265/QĐ-UBND 30/10/2017	118.259	40.000	40.000	40.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
VII	HUYỆN MÊ LINH		6					184.502	35.750	35.750	84.250	6		
*	Dự án chuyển tiếp		2					96.991	35.750	35.750	46.000	2		
	Trường học		2					96.991	35.750	35.750	46.000	2		
1	Trường mầm non Quang Minh A, Thị trấn Quang Minh huyện Mê Linh (Khu Trung tâm)		1	Thị trấn Quang Minh	2019-2020	Xây mới 21 phòng học, các phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ	2621/QĐ-UBND 25/10/2018	54.304	22.500	22.500	25.000	1	UBND huyện Mê Linh	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Trường mầm non Quang Minh B, Thị trấn Quang Minh huyện Mê Linh (Khu Trung tâm)		1	Thị trấn Quang Minh	2019-2020	Xây dựng nhà lớp học 20 phòng Xây dựng nhà điều hành	2622/QĐ-UBND 25/10/2018	42.687	13.250	13.250	21.000	1	UBND huyện Mê Linh	
*	Dự án mới		4					87.511			38.250	4		
	Trường học		4					87.511			38.250	4		
1	Trường Tiểu học Tráng Việt A, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh		1	Xã Tráng Việt	2020	Xây mới nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và phụ trợ	2873/QĐ-UBND 31/10/2018	20.701			10.000	1	UBND huyện Mê Linh	
2	Trường Tiểu học Tiên Phong B, xã Tiên Phong (giai đoạn 2).		1	Xã Tiên Phong	2020	Xây mới 12 phòng; cải tạo 23 phòng và phụ trợ	2828/QĐ-UBND 29/10/2018	28.103			8.000	1	UBND huyện Mê Linh	
3	Trường THCS Mê Linh, xã Mê Linh, huyện Mê Linh (Các hạng mục: Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 6 phòng học; Cải tạo nhà lớp học 2 tầng và cải tạo sân bóng, xây dựng hệ thống thoát nước sân trường)		1	Xã Mê Linh	2020	Xây mới 6 phòng; cải tạo 23 phòng và phụ trợ	2826/QĐ-UBND 29/10/2018	19.227			12.000	1	UBND huyện Mê Linh	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Trường THCS Văn Khê		1	Xã Văn Khê	2020	Nhà giáo dục thể chất, các hạng mục phụ trợ	3605/QĐ-UBND 06/9/2017; 4124/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	19.480			8.250	1	UBND huyện Mê Linh	
VIII	HUYỆN MỸ ĐỨC		4					187.385	49.550	49.550	104.250	3		
*	Dự án chuyển tiếp		3					137.640	49.550	49.550	66.450	3		
	<i>Giao thông</i>		3					137.640	49.550	49.550	66.450	3		
1	Đường liên xã An Mỹ đi Chùa Mẽ Tuy Lai.		1	Các xã: An Mỹ, Tuy Lai	2019-2020	2618m	2224/QĐ-UBND 04/10/2017, 1865/QĐ-UBND 18/8/2017	39.000	15.000	15.000	19.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
2	Đường giao thông liên xã từ tỉnh lộ 419 xã Vạn Kim đi Hùng Tiến - Đốc Tín.		1	Các xã: Vạn Kim, Hùng Tiến, Đốc Tín	2019-2020	3992m	2225/QĐ-UBND 04/10/2017	48.850	17.550	17.550	24.450	1	UBND huyện Mỹ Đức	
3	Đường giao thông từ thị trấn Đại Nghĩa đi Xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức (từ ngã 5 Tề Tiêu đến cổng Sắt).		1	Thị trấn Đại Nghĩa, xã Hợp Thanh	2019-2020	1800m	2221/QĐ-UBND 04/10/2017; 1911/QĐ-UBND 28/8/2017	49.790	17.000	17.000	23.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
*	Dự án mới		1					49.745			37.800			
	<i>Giao thông</i>		1					49.745			37.800			

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông liên xã Vạn Kim - Đốc Tín, Huyện Mỹ Đức		1	Các xã: Vạn Kim, Đốc Tín	2020	4800m	3399/QĐ-UBND 27/12/2012; 1905/QĐ-UBND 25/8/2017	49.745			37.800		UBND huyện Mỹ Đức	
IX	HUYỆN PHÚ XUYỀN		4					109.282	17.250	17.250	84.250	4		
*	Dự án chuyển tiếp		1					30.950	17.250	17.250	11.250	1		
	Giáo thông		1					30.950	17.250	17.250	11.250	1		
1	Đường giao thông liên xã Minh Tân - Tri Thủy - Quang Lăng (GD2)		1	Các xã: Minh Tân, Tri Thủy	2019-2020	2073,8m	3364/QĐ-UBND 31/10/2018	30.950	17.250	17.250	11.250	1	UBND huyện Phú Xuyên	
*	Dự án mới		3					78.332			73.000	3		
	Giao thông		3					78.332			73.000	3		
1	Đường giao thông liên xã Bạch Hạ - Minh Tân		1	Các xã: Bạch Hạ, Minh Tân	2020	1700m	4234/QĐ-UBND 18/10/2019	32.999			31.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
2	Đường giao thông liên xã Tri Thủy - Khai Thái		1	Các xã: Tri Thủy, Khai Thái	2020	2000m	4130/QĐ-UBND 05/10/2017; 4287/QĐ-UBND 21/10/2018	22.596			22.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
3	Cải tạo nâng cấp đường Phú Minh - Văn Nhân		1	Các xã: Phú Minh, Văn Nhân	2019	850m	4235/QĐ-UBND 18/10/2018	22.737			20.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
X	HUYỆN PHÚC THỌ	2	3					221.679	51.250	51.250	84.250	4		
*	Dự án chuyển tiếp	1	2					135.635	51.250	51.250	42.000	3		

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	<i>Giao thông</i>		1					50.068			13.000	1		
1	Đường giao thông liên xã từ QL32 qua xã Thọ Lộc - Võng Xuyên - Phương Độ lên đê hữu Hồng		1	Các xã: Thọ Lộc, Võng Xuyên, Phương Độ	2017-2018	5391m	1819a/QĐ-UBND 26/7/2014; 2668/QĐ-UBND ngày 05/11/2019	50.068			13.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
	<i>Trường học</i>	1	1					85.567	51.250	51.250	29.000	2		
1	Trường tiểu học Tam Hiệp B	1		Xã Tam Hiệp	2019-2020	xây dựng mới 20 phòng học, 04 phòng chức năng và phụ trợ	2830/QĐ-UBND 31/10/2018	47.000	29.250	29.250	16.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
2	Trường mầm non xã Long Xuyên (điểm thôn Triệu Xuyên)		1	Xã Long Xuyên	2019-2020	xây dựng mới 12 phòng học, nhà bộ môn, nhà hiệu bộ và phụ trợ.	2808/QĐ-UBND 30/10/2018	38.567	22.000	22.000	13.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
*	Dự án mới	1	1					86.044			42.250	1		
	<i>Trường học</i>	1	1					86.044			42.250	1		
1	Trường mầm non Hiệp Thuận	1		Xã Tam Thuận	2019-2020	Xây mới 20 phòng học nhà bộ môn và phụ trợ	2568/QĐ-UBND 31/10/2019	63.349			21.250		UBND huyện Phúc Thọ	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Trường THCS xã Vân Nam		1	Xã Vân Nam	2019-2020	Nhà lớp học bộ môn + chức năng 3 tầng, phụ trợ	2870/QĐ-UBND 31/10/2018	22.695			21.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
XI	HUYỆN QUỐC OAI	1	1					400.125	62.050	62.050	84.250	2		
*	Dự án chuyển tiếp	1	1					400.125	62.050	62.050	84.250	2		
	Giao thông	1	1					400.125	62.050	62.050	84.250	2		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đông Yên, huyện Quốc Oai		1	Xã Đông Yên	2019-2020	3983m	8241/QĐ-UBND 31/10/2017	31.237	12.900	12.900	14.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Đường trục phát triển các xã vùng Bán sơn địa huyện Quốc Oai (Tuyến ĐH 09 Phú Cát - Hòa thạch - Đông Yên)	1		Các xã: Phú Cát, Hòa Thạch, Đông Yên	2019-2020	7540m	5079/QĐ-UBND 29/10/2018	368.888	49.150	49.150	70.250	1	UBND huyện Quốc Oai	
XII	HUYỆN SÓC SƠN	3	5					413.508	164.000	41.000	71.250	8		
*	Dự án chuyển tiếp	3	3					385.181	164.000	41.000	46.113	6		
	Giao thông	3	1					313.550	107.000	10.000	32.113	4		
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Tân Dân, Minh Trí		1	Các xã: Tân Dân, Minh Trí	2019-2020	7850m	5531/QĐ-UBND 18/7/2017	31.044	10.000	10.000	19.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Cải tạo đường Bắc Sơn - Minh Trí	1		Xã Bắc Sơn, Minh Trí	2016-2020	5500m	675/QĐ-UBND 24/01/2014	62.000	29.000		1.548	1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp đường Hồng Kỳ - Bắc Sơn và tuyến nhánh chợ Châu Đô Tân	1		Xã Hồng Kỳ, Bắc Sơn	2016 - 2020		5299/QĐ-UBND 26/10/2010; 6557/QĐ-UBND 30/10/2013	160.000	26.000		7.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Tân Minh - Xuân Giang - Bắc Phú - Đức Hòa - Tiên Dược	1		xã Tân Minh - Xuân Giang - Bắc Phú - Đức Hòa - Tiên Dược	2016 - 2020		8792/QĐ-UBND 31/10/2017	60.506	42.000		4.565	1	UBND huyện Sóc Sơn	
	Môi trường		1					29.573	26.000		3.000	1		
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước dân sinh đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Bắc Phú, xã Xuân Giang		1	xã Bắc Phú, xã Xuân Giang	2017-2020		8794/QĐ-UBND 31/10/2017	29.573	26.000		3.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
	Trường học		1					42.058	31.000	31.000	11.000	1		

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Xây dựng Trường mầm non Tân Dân B		1	Xã Tân Dân	2019-2020	Mở rộng diện tích; XD 12 phòng học, nhà hiệu bộ	8787/QĐ-UBND 31/10/2017	42.058	31.000	31.000	11.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
*	Dự án mới		2					28.327			25.137	2		
	Môi trường		1					9.412			7.887	1		
1	Cải tạo , nâng cấp hệ thống thoát nước dân sinh đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Hiền Ninh		1	Xã Hiền Ninh	2020	Cải tạo, nâng cấp	3426/QĐ-UBND 29/10/2018	9.412			7.887	1	UBND huyện Sóc Sơn	
	Y tế		1					18.915			17.250	1		
1	Xây dựng, cải tạo trạm y tế xã Xuân Giang, Minh Trí, Hiền Ninh huyện Sóc Sơn		1	Các xã: Xuân Giang, Minh Trí, Hiền Ninh	2020	Nhà khám bệnh, nhà dịch vụ	6085/QĐ-UBND 26/7/2017	18.915			17.250	1	UBND huyện Sóc Sơn	
XIII	HUYỆN THẠCH THÁT	1	1					124.902	12.250	12.250	84.250	1		
*	Dự án chuyển tiếp		1					25.350	12.250	12.250	9.250	1		
	Văn hóa		1					25.350	12.250	12.250	9.250	1		

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Mộ và nhà thờ Phùng Khắc Khoan.		1	Xã Phùng Xá	2018-2019	Tu bổ, tôn tạo và mở rộng	3997/QĐ-UBND 30/10/2018	25.350	12.250	12.250	9.250	1	UBND huyện Thạch Thất	
*	Dự án mới	1						99.552			75.000			
	Giao thông	1						99.552			75.000			
1	Đường H-14: Đoạn từ cụm công nghiệp xã Bình Phú - Cầu Phú Lễ xã Cần Kiệm (tuyến 39 cũ)	1		Các xã: Bình Phú, Cần Kiệm	2019-2021	3167m	3983/QĐ-UBND 18/10/2019	99.552			75.000		UBND huyện Thạch Thất	
XIV	HUYỆN THANH OAI		3					60.267	13.750	13.750	39.250	3		
*	Dự án chuyển tiếp		1					38.567	13.750	13.750	21.250	1		
	Giao thông		1					38.567	13.750	13.750	21.250	1		
1	Đường Xuân Dương - Cao Dương - Hồng Dương - Liên Châu giai đoạn 1		1	Các xã: Cao Dương, Xuân Dương	2019-2020	1335m	3074/QĐ-HĐND 31/10/2018	38.567	13.750	13.750	21.250	1	UBND huyện Thanh Oai	
*	Dự án mới		2					21.700			18.000	2		
	Giao thông		1					14.900			13.000	1		

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Đường từ 21B đi khu giết mổ tập trung huyện - xã Tam Hưng giai đoạn II		1	Xã Tam Hưng	2020	2472m	2532/QĐ-UBND 01/11/2017; 2313/QĐ-UBND 31/10/2019	14.900			13.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
	<i>Y tế</i>		1					6.800			5.000	1		
1	Trạm y tế xã Thanh Văn		1	Xã Thanh Văn	2020	Xây mới nhà làm việc 2 tầng	2165/QĐ-UBND 22/10/2019	6.800			5.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
XV	HUYỆN THANH TRÌ	2						72.637			64.250	2		
*	Dự án mới	2						72.637			64.250	2		
	<i>Trường học</i>	2						72.637			64.250	2		
1	Nâng cấp trường tiểu học Tân Triều, huyện Thanh Trì	1		Xã Tân Triều	2020-2021	Xây dựng mới 25 phòng học, phòng chức năng và phụ trợ	4058/QĐ-UBND 10/10/2019	52.677			48.000	1	UBND huyện Thanh Trì	
2	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Huỳnh Cung, huyện Thanh Trì	1		Xã Huỳnh Cung	2020 - 2021	Xây mới 12 phòng học, phụ trợ	2985/QĐ-UBND 29/7/2019	19.960			16.250	1	UBND huyện Thanh Trì	
XVI	HUYỆN THƯỜNG TÍN		4					155.670	36.250	36.250	84.250	4		
*	Dự án chuyển tiếp		2					105.670	36.250	36.250	39.750	2		
	<i>Giao thông</i>		1					61.075	19.750	19.750	22.250	1		

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Đường giao thông liên xã Một Thượng - Dũng Tiến - Nghiêm Xuyên		1	Các xã: Thắng Lợi, Dũng Tiến, Nghiêm Xuyên	2019-2020	5731m	3723/QĐ-UBND 24/10/2018	61.075	19.750	19.750	22.250	1	UBND huyện Thường Tín	
	Trường học		1					44.595	16.500	16.500	17.500	1		
1	Trường mầm non Chất lượng cao Thường Tín		1	Thị trấn Thường Tín	2019-2020	20 phòng học, các phòng chức năng và phụ trợ	3722/QĐ-UBND 24/10/2018	44.595	16.500	16.500	17.500	1	UBND huyện Thường Tín	
*	Dự án mới		2					50.000			44.500	2		
	Trường học		2					50.000			44.500	2		
1	Khu trung tâm trường mầm non Hòa Bình		1	Xã Hòa Bình	2020	Nhà lớp học 6 phòng, Nhà hiệu bộ, phụ trợ	3575/QĐ-UBND 24/9/2019	25.000			22.250	1	UBND huyện Thường Tín	
2	Trường mầm non trung tâm xã Duyên Thái		1	Xã Duyên Thái	2020	Nhà hiệu bộ, phụ trợ	4125/QĐ-UBND 22/10/2019	25.000			22.250	1	UBND huyện Thường Tín	
XVII	HUYỆN ỨNG HÒA		5					111.707	33.759	33.759	84.250	5		
*	Dự án chuyển tiếp		2					58.000	33.759	33.759	30.543	2		
	Giao thông		2					58.000	33.759	33.759	30.543	2		

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Đường liên xã từ xã Đội Bình, xã Hồng Quang đi xã Tân Sơn tỉnh Hà Nam (Điểm đầu giáp Quốc lộ 21B, điểm cuối Đền Đức Thánh Cả thôn Hữu Vĩnh, xã Hồng Quang)		1	Xã Hồng Quang, TP Hà Nội và xã Tân Sơn, tỉnh Hà Nam	2019-2020	2485,3m	1133/QĐ-UBND 30/10/2018	30.000	17.216	17.216	12.784	1	UBND huyện Ứng Hòa	
2	Đường giao thông liên xã Hòa Nam đi Hòa Phú, Hòa Lâm (GĐ 2)		1	Các xã: Hòa Nam, Hòa Phú, Hòa Lâm	2019-2020	3420,1	988/QĐ-UBND 26/10/2018	28.000	16.543	16.543	17.759	1	UBND huyện Ứng Hòa	
*	Dự án mới		3					53.707			53.707	3		
	<i>Giao thông</i>		3					<i>53.707</i>			<i>53.707</i>	<i>3</i>		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ Trạm bơm Xuân Quang xã Đội Bình đi xã Đại Hùng, Trầm Lộng		1	Các xã: Đại Hùng, Trầm Lộng	2020	1560m	978/QĐ-UBND 22/10/2019	19.459			19.459	1	UBND huyện Ứng Hòa	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ trạm bơm Ngọ Xá đến Kênh Tân Phương		1	Thị trấn Vân Đình	2020	696m	979/QĐ-UBND 22/10/2019	19.765			19.765	1	UBND huyện Ứng Hòa	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2019		Kế hoạch năm 2020	CT HT 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Trong đó: năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Đường giao thông liên xã làng nghề Vũ Ngoại, Liên Bạt đi Trường Thịnh, Quảng Phú Cầu		1	Các xã: Liên Bạt, Trường Thịnh, Quảng Phú Cầu	2020	1728m	675/QĐ-UBND 12/8/2019	14.483			14.483	1	UBND huyện Ứng Hòa	
XVIII	THỊ XÃ SƠN TÂY		3					90.265	20.250	20.250	62.250	3		
*	Dự án chuyển tiếp		2					60.511	20.250	20.250	34.250	2		
	Giao thông		1					31.353	11.000	11.000	17.000	1		
1	Đường từ phố Quang Trung đi Đền Và phường Trung Hưng		1	Phường Trung Hưng	2019-2020	1580m	930/QĐ-UBND 07/8/2017	31.353	11.000	11.000	17.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
	Trường học		1					29.158	9.250	9.250	17.250	1		
1	Trường Tiểu học Trung Sơn Trầm (GD1)		1	Phường Trung Sơn Trầm	2019-2020	Nhà lớp học 3 tầng, phụ trợ	695/QĐ-UBND 6/7/2018	29.158	9.250	9.250	17.250	1	UBND thị xã Sơn Tây	
*	Dự án mới		1					29.754			28.000	1		
	Trường học		1					29.754			28.000	1		
1	Trường THCS Viên Sơn (GD1)		1	Phường Viên Sơn	2020	Nhà lớp học 3 tầng, phụ trợ	949/QĐ-UBND 23/8/2018	29.754			28.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	